

Bản án số: 462/2019/KDTM-PT

Ngày: 24/5/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Biện Thị Hoa**

Các Thẩm phán: **Ông Lê Công Toại**

**Ông Ngô Thanh Nhàn**

Thư ký phiên tòa: **Bà Phan Thị Thu Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: **Bà Phùng Thị Lan** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1069/2019/QĐXX-PT ngày 19 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Văn phòng Luật sư D.

Địa chỉ: Số 3A, ngõ 569, ngách 12, Đường Q, phường L, quận T, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc K.

Địa chỉ: Số 3A, ngách 569, Đường Q, phường L, quận T, Thành phố Hà Nội.

Hợp đồng ủy quyền số 09/2018/HĐ-GUQ ngày 09/8/2018 của Văn phòng Luật sư D, ông Nguyễn Ngọc K có mặt.

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH Xây dựng D

Địa chỉ: Tầng 8, khu phức hợp Cantavil An Phú, đường S, phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 101, Đường T, phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy ủy quyền ngày 25/11/2017 của Công ty TNHH Xây dựng D, ông Nguyễn Văn Đ có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M

Địa chỉ: Số 232 Đường Ti, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân P, sinh năm 1983.

Hợp đồng ủy quyền số 18/UQ-MQ ngày 15/8/2014 của Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M, xin vắng mặt theo Thông báo số 18/MQ-TC ngày 28/02/2019 của Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện ngày 06/9/2017, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/8/2018, Bản tự khai ngày 28/11/2017, biên bản mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn – Văn phòng Luật sư D có người đại diện theo ủy quyền là ông Đàm Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa, ông Nguyễn Ngọc K có mặt tại phiên tòa trình bày như sau:*

Ngày 09/8/2016, Văn phòng Luật sư D và Công ty TNHH Xây dựng D ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 35/2016/HDDV-BLF, thỏa thuận một số nội dung dịch vụ pháp lý như sau: Văn phòng Luật sư D cử luật sư tư vấn, đại diện cho Công ty TNHH Xây dựng D thương lượng với Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M với mục đích chấm dứt Hợp đồng số 1617/MQ-DOWOO và Hợp đồng số 1618/MQ-DOWOO mà hai công ty đã ký kết và thực hiện. Thời hạn cung cấp dịch vụ là 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng đến khi thương lượng thành hoặc đến khi có bản án của tòa án cấp sơ thẩm. Phí dịch vụ là 250.000.000 đồng. Thanh toán một lần sau khi thương lượng thành hoặc có bản án của Tòa án. Sau khi ký kết Hợp đồng 35/2016/HDDV-BLF, Văn phòng Luật sư D đã cử luật sư tư vấn cho Công ty TNHH Xây dựng D và nhận ủy quyền của Công ty TNHH Xây dựng D để trực tiếp thương lượng với Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M. Quá trình thương lượng và kết quả thương lượng cụ thể như sau:

Ngày 06/9/2017, Văn phòng Luật sư D đại diện thương lượng với Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M và thống nhất:

- Thanh lý Hợp đồng số 1617/MQ-DOWOO, Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M bàn giao trực tiếp hồ sơ có liên quan đến Hợp đồng số 1617/MQ-DOWOO cho Văn phòng Luật sư D để Văn phòng Luật sư D bàn giao cho Công ty TNHH Xây dựng D.

- Thống nhất chấm dứt Hợp đồng số 1618/MQ-DOWOO nhưng chưa thống nhất được các điều kiện chấm dứt hợp đồng này và hai bên sẽ tiếp tục thương lượng.

Ngày 09/9/2016, Văn phòng Luật sư D đại diện Công ty TNHH Xây dựng D thương lượng lần cuối cùng với Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M và đi đến thống nhất:

- Hợp đồng số 1617/MQ-DOWOO được chấm dứt theo Biên bản thương lượng ngày 06/9/2016.

- Chấm dứt Hợp đồng số 1618/MQ-DOWOO.

- Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M có trách nhiệm làm việc với Công ty cổ phần xây lắp điện lực H để công ty này hoàn thành nốt các phần việc còn lại của Hợp đồng số 1618/MQ-DOWOO.

Như vậy, tính đến thời điểm ngày 09/9/2016 là vừa hết 30 ngày theo thời hạn Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 35/2016/HĐDV-BLF mà Văn phòng Luật sư D đã đại diện Công ty TNHH Xây dựng D thương lượng thành công với Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M về việc chấm dứt Hợp đồng số 1617/MQ-DOWOO và Hợp đồng số 1618/MQ-DOWOO.

Sau khi thương lượng thành công, Văn phòng Luật sư D đề nghị Công ty TNHH Xây dựng D thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí dịch vụ theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 35/2016/HĐDV-BLF. Tuy nhiên, phía Công ty TNHH Xây dựng D lấy lý do Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M đã không thực hiện đúng nội dung thương lượng nên đề nghị Văn phòng Luật sư D tiếp tục trợ giúp trong việc thực hiện kết quả thương lượng. Mặc dù nội dung này không có trong Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 35/2016/HĐDV-BLF nhưng Văn phòng Luật sư D vẫn trợ giúp. Ngày 07/10/2016, Văn phòng Luật sư D đã đại diện làm việc với các bên liên quan để lập biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp mà Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M đã hoàn thành. Sau nhiều lần Văn phòng Luật sư D có văn bản yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng D thanh toán phí dịch vụ pháp lý theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 35/2016/HĐDV-BLF nhưng Công ty TNHH Xây dựng D đã không thực hiện nghĩa vụ mà không đưa ra bất cứ lý do nào. Tại phiên tòa, Văn phòng Luật sư D yêu Công ty TNHH Xây dựng D thanh toán 100% phí dịch vụ pháp lý là 250.000.000 đồng và chịu phạt 8% trên tổng giá trị hợp đồng, tương ứng với số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng là 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng.

*Bị đơn – Công ty TNHH Xây dựng D có ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Công ty TNHH Xây dựng D thống nhất với ý kiến của Văn phòng Luật sư D về việc ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 35/2016/HĐDV-BLF cũng như quá trình thực hiện của hợp đồng. Tuy nhiên, kết quả của công việc chưa hoàn thành như thỏa thuận tại Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 35/2016/HĐDV-BLF. Vì sau Biên bản thương lượng ngày 09/9/2016, thì ngày 10/9/2016, Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M lại có văn bản không đồng ý với biên bản thương lượng ngày 09/9/2016. Đến ngày 09/10/2017, Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M mới ký biên bản thanh lý hợp đồng với Công ty TNHH Xây dựng D. Đó là lý do mà Công ty TNHH Xây dựng D không đồng ý trả 250.000.000 đồng phí dịch vụ cho Văn phòng Luật sư D. Tại phiên tòa, Công ty TNHH Xây dựng D chỉ đồng ý thanh toán 40% phí dịch vụ pháp lý tương ứng số tiền 100.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M có ông Nguyễn Xuân P là người đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản trình bày ý kiến xác nhận giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M và Công ty TNHH Xây dựng D có ký kết Hợp đồng số 1617/MQ-DOWOO và Hợp đồng số 1618/MQ-DOWOO. Văn phòng Luật sư D là đơn vị được ủy quyền để thương lượng chấm dứt hai hợp đồng số 1617/MQ-DOWOO và 1618/MQ-DOWOO, thể hiện qua Hợp đồng ủy quyền số 79/2016/HĐ-UQ. Hợp đồng số 1617/MQ-DOWOO đã được Văn phòng Luật sư D và Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M làm thủ tục chấm dứt theo Biên bản thương lượng, đàm phán ngày 06/9/2016. Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M đã làm Biên bản bàn giao hồ sơ tài liệu có liên quan đến Hợp đồng số 1617/MQ-DOWOO cho phía Văn phòng Luật sư D. Công ty TNHH Xây dựng D đã thanh toán toàn bộ giá trị Hợp đồng số 1617/MQ-DOWOO

cho Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M. Hợp đồng số 1618/MQ-DOWOO, giữa Văn phòng Luật sư D và Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M cũng đi đến thống nhất chấm dứt và bàn giao cho bên thứ ba thực hiện hợp đồng, thể hiện tại Biên bản làm việc 09/9/2016.

Ngoài ra, do Công ty TNHH Xây dựng D vi phạm về mặt thời gian nên giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M và Công ty TNHH Xây dựng D đã ký phụ lục hợp đồng kinh tế số 1618 với nội dung Công ty TNHH Xây dựng D phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M số tiền 216.065.836 đồng và Biên bản làm việc ngày 09/10/2017 với nội dung Công ty TNHH Xây dựng D phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M số tiền 200.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M đã hoàn thành bàn giao toàn bộ việc xây dựng cho Công ty TNHH Xây dựng D và Công ty TNHH Xây dựng D cũng đã thanh toán toàn bộ giá trị kể cả giá trị phát sinh cho Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M. Giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M và Văn phòng Luật sư D chỉ làm việc đến hết ngày 07/10/2017. Nay Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M không có ý kiến gì đối với việc khởi kiện giữa Văn phòng Luật sư D và Công ty TNHH Xây dựng D, không có yêu cầu gì, đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa giải quyết vụ án.

Tại bản án số 12/2018/KDTM-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – Văn phòng Luật sư D: Buộc Công ty TNHH Xây dựng D phải thanh toán cho Văn phòng Luật sư D tổng số tiền 162.000.000 (một trăm sáu mươi hai triệu) đồng, bao gồm: 150.000.000 đồng phí dịch vụ và tiền phạt vi phạm 12.000.000 đồng. Các bên giao nhận tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – Văn phòng Luật sư D về việc buộc Công ty TNHH Xây dựng D phải thanh toán số tiền 108.000.000 (một trăm mười hai triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho bên được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Ngày 13/9/2018, nguyên đơn Văn phòng Luật sư D kháng cáo toàn bộ bản án số 12/2018/KDTM-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh với lý do bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 2 không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa bản án sơ thẩm của TAND Quận 2, buộc bị đơn phải thực hiện thanh toán đầy đủ phí dịch vụ pháp lý và tiền phạt do bị đơn đã có hành vi vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng dịch vụ pháp lý số 35/2016/HĐDVPL-BLF ngày 09/8/2016 với tổng số tiền là 270.000.000 đồng.

Ngày 12/9/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 đã có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 430/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với bản án số 12/2018/KDTM-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận 2 với nội dung: Bản án

sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 158.000.000 đồng, bao gồm 150.000.000 đồng phí dịch vụ và tiền phạt vi phạm 8.000.000 đồng là không đủ cơ sở, không phù hợp với thỏa thuận của các bên cũng như quy định của pháp luật. Do việc cung ứng dịch vụ chưa đạt kết quả theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký kết, nên nguyên đơn yêu cầu thanh toán phí dịch vụ pháp lý và phí phạt vi phạm hợp đồng là không có cơ sở, không phù hợp quy định pháp luật tại các Điều 74, 79, 82 và 84 Luật Thương mại năm 2005. Bản án cũng nhận định đối với Hợp đồng số 1618 thì nguyên đơn chỉ thực hiện được một phần nghĩa vụ. Điều này có nghĩa nguyên đơn cũng chưa hoàn thành nghĩa vụ, vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng, nhưng Hội đồng xét xử lại buộc bị đơn phải trả tiền phạt vi phạm cho nguyên đơn trên phần nghĩa vụ mà nguyên đơn vi phạm là không phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 300 Luật Thương mại năm 2005.

#### **Tại phiên Tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:**

Ông Nguyễn Ngọc K đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn kháng cáo một phần trong quyết định bản án sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST do Tòa án nhân dân Quận 2 xét xử ngày 31/8/2018 với nội dung: “Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH Xây dựng D phải thanh toán số tiền 112.000.000 đồng”. Lý do kháng cáo: Căn cứ Điều 1 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 35/2016/HĐDV-BLF ngày 08/8/2016, căn cứ vào kết quả làm việc tại các Biên bản thương lượng ngày 06/9/2016, 09/09/2016, các biên bản nghiệm thu khối lượng hạn mục thi công công trình ngày 07/10/2016 thì nguyên đơn đã hoàn thành, thậm chí hoàn thành vượt mức trách nhiệm nghĩa vụ của bên cung cấp dịch vụ pháp lý theo hợp đồng đã ký. Việc công ty D không thực hiện quyền chấm dứt thực hiện hợp đồng kinh tế 1617, hợp đồng kinh tế 1618 để lựa chọn đơn vị khác thực hiện hoàn thiện công trình tiếp nhưng lại đổ lỗi cho nguyên đơn là điều vô lý, không phù hợp pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận 2, buộc bị đơn phải thực hiện thanh toán đầy đủ phí dịch vụ pháp lý và tiền phạt do bị đơn đã có hành vi vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 35/2016/HĐDVPL-BLF ngày 09/8/2016 với tổng số tiền là 270.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Đ đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Bị đơn cũng không đồng ý với bản án sơ thẩm tuy nhiên vì lý do khách quan nên bị đơn không kháng cáo.

#### ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:***

Đơn kháng cáo của đương sự còn trong thời hạn luật định. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hợp đồng dịch vụ không phân định việc cung cấp dịch vụ pháp lý với từng hợp đồng kinh tế riêng biệt mà thỏa thuận của hai bên là chỉ khi nguyên đơn tư vấn tham gia giải quyết tất cả các vấn đề có liên quan tới vụ việc theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý thì mới được coi là thực hiện xong nghĩa vụ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

**I- Về hình thức:** Đơn kháng cáo của Văn phòng Luật sư D nộp Tòa án trong thời hạn luật định.

Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị được vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tòa án vẫn tiến hành xét xử theo luật định.

### II- Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPHCM không rút quyết định kháng nghị số 430/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12/9/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1] Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 35/2016/HĐDV-BLF ngày 08/8/2016 (sau đây gọi tắt là “hợp đồng số 35”) có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận việc ký kết thực hiện hợp đồng, nên hợp đồng số 35 hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

Theo thỏa thuận tại Điều 1 của Hợp đồng số 35 về nội dung của hợp đồng thì nguyên đơn cung cấp dịch vụ pháp lý cho bị đơn để giải quyết tranh chấp với Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M (sau đây gọi tắt là “công ty M”) theo hướng yêu cầu Công ty M chấm dứt thực hiện hợp đồng kinh tế số 1617/MQ-DOWOO ngày 12/9/2015 (sau đây gọi tắt là “hợp đồng số 1617”), tạm dừng và chấm dứt thực hiện hợp đồng kinh tế số 1618/MQ-DOWOO ngày 07/11/2015 (sau đây gọi tắt là “hợp đồng số 1618”) để chuyển giao cho một bên thứ ba có uy tín thực hiện nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bị đơn.

Nguyên đơn kháng cáo cho rằng căn cứ vào kết quả làm việc tại các Biên bản thương lượng ngày 06/9/2016, 09/09/2016, các biên bản nghiệm thu khối lượng hạn mục thi công công trình ngày 07/10/2016 thì nguyên đơn đã hoàn thành công việc theo yêu cầu đó là tạm dừng và chấm dứt thực hiện hợp đồng kinh tế số 1618/MQ-DOWOO ngày 07/11/2015 để chuyển giao cho một bên thứ ba. Xét thấy: Tại điểm 3.2.3 mục 3 của Biên bản thương lượng, đàm phán ngày 09/9/2016 đã xác định thỏa thuận của các bên là: “Trong thời hạn 07 ngày, hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu, thanh lý hợp đồng để bên Dowoo ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Xây lắp Điện lực Thanh Hóa”. Bên cạnh đó, tại Thông báo số 36/2016/TB-BLF ngày 16/9/2016, nguyên đơn cũng xác định ngay sau khi thương lượng, đàm phán ngày 09/9/2016 thì vào ngày 10/9/2016, Công ty M đã có văn bản số 0916/MQ-VPDT thông báo không thực hiện được phương án đã thống nhất tại Biên bản thương lượng, đàm phán ngày 09/9/2016. Đến ngày 07/10/2016, nguyên đơn tiếp tục đại diện bị đơn tiến hành nghiệm thu với công ty M, được thể hiện ở hai Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành cùng ngày 07/10/2016. Như vậy tính đến thời điểm này đã hết thời hạn hoàn thành

việc cung ứng dịch vụ, nhưng theo yêu cầu của bị đơn thì nguyên đơn đã tiếp tục thực hiện nghiệm thu với công ty M, nên Hợp đồng số 35 không còn bị giới hạn về thời hạn hoàn thành dịch vụ theo như thỏa thuận tại Hợp đồng số 35 mà sẽ theo thời hạn hoàn thành công việc. Nhưng sau đó, các bên không tiến hành thanh lý hợp đồng để chấm dứt việc thực hiện hợp đồng số 1618, do không thống nhất được đơn giá để chấm dứt hợp đồng số 1618 và cũng không chuyển giao được cho bên thứ ba việc thực hiện hợp đồng, do Công ty cổ phần xây lắp điện lực H không đồng ý nhận chuyển giao hợp đồng. Như vậy xét thấy việc cung ứng dịch vụ của nguyên đơn là chưa hoàn tất 100% nghĩa vụ theo thỏa thuận của các bên, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn để buộc bị đơn phải thanh toán đầy đủ phí dịch vụ pháp lý cho nguyên đơn được.

**[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 2:**

Đối với ý kiến của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 cho rằng đối với hợp đồng số 1617 thì Công ty M đã lắp đặt xong và nguyên đơn cũng đã thanh toán xong đối với Hợp đồng số 1617, nhưng giữa các bên chưa tiến hành bàn giao tài liệu, hồ sơ vận hành, bảo hành do còn đang tranh chấp đối với Hợp đồng số 1618, vì vậy mục đích chính của việc thương lượng theo Hợp đồng số 35 là chấm dứt hợp đồng số 1618 để chuyển giao cho một bên thứ ba thực hiện. Xét thấy: Tại Điều 1 nội dung hợp đồng và khoản 3.2.1 Điều 3 của Hợp đồng số 35 đều có ghi nhận một phần công việc của nguyên đơn phải thực hiện là chấm dứt hợp đồng kinh tế số 1617. Kết quả thực hiện hợp đồng số 35 là vào ngày 06/9/2016, phía bị đơn và Công ty Cổ phần Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị M đã ký kết Biên bản thương lượng, đàm phán và thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng số 1617/MQ-DOWOO. Như vậy, có cơ sở nhận định nguyên đơn đã thực hiện được một phần nghĩa vụ của mình theo hợp đồng cung ứng dịch vụ. Bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền phí dịch vụ 150.000.000 đồng là phù hợp với quá trình và kết quả các bên đã thực hiện hợp đồng.

Xét ý kiến kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 về việc Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc bị đơn phải trả tiền phạt vi phạm cho nguyên đơn trên phần nghĩa vụ mà nguyên đơn vi phạm là không phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 300 Luật Thương mại 2005, xét thấy: Tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 83/2018/QĐ-SCBSQĐ ngày 12/10/2018, Tòa án nhân dân Quận 2 đã sửa chữa các nhầm lẫn về số liệu, tính toán lại đối với số tiền phạt vi phạm nghĩa vụ tính trên phần nghĩa vụ mà bị đơn vi phạm, phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy, tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến kháng nghị nêu trên của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 đã được khắc phục.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn cũng như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 là không có cơ sở để chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ y bản án sơ thẩm.

**III- Về án phí:**

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

*Vì các lẽ nêu trên;*

*Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 220, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 117, khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 74, Điều 87, Điều 300, Điều 301, Điều 306 Luật Thương mại 2005;

- Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – Văn phòng Luật sư D: Buộc Công ty TNHH Xây dựng D phải thanh toán cho Văn phòng Luật sư D tổng số tiền 162.000.000 (một trăm sáu mươi hai triệu) đồng, bao gồm: 150.000.000 đồng phí dịch vụ và tiền phạt vi phạm 12.000.000 đồng. Các bên giao nhận tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – Văn phòng Luật sư D về việc buộc Công ty TNHH Xây dựng D phải thanh toán số tiền 108.000.000 (một trăm lẻ tám triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho bên được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

- Về án phí: Án phí sơ thẩm: Công ty TNHH Xây dựng D phải chịu số tiền án phí 8.100.000 (tám triệu một trăm ngàn) đồng. Văn phòng Luật sư D phải chịu số tiền án phí 5.400.000 (năm triệu bốn trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền án phí 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2014/0008468 ngày 10/10/2017 do Chi cục thi hành án dân sự Quận 2 xác lập, Văn phòng Luật sư D được hoàn trả số tiền chênh lệch 850.000 đồng. Hoàn trả cho Văn phòng Luật sư D số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0015470 ngày 14/8/2018 do Chi cục thi hành án dân sự Quận 2 xác lập. Công ty TNHH Xây dựng D chưa nộp tiền án phí.

Án phí phúc thẩm: Văn phòng Luật sư D phải chịu số tiền án phí là 2.000.000 đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0015622 ngày 24/9/2018 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0015973 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Văn phòng Luật sư D đã nộp đủ án phí phúc thẩm.



Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 2;
- Chi cục THADS Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ (Hiền).

**Biện Thị Hoa**